

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
TỈNH QUẢNG NAM

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm có 07 trang)

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THPT
NĂM HỌC 2024 – 2025 ĐỢT 2

Môn thi: ĐỊA LÍ 12 (không chuyên)

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 07/3/2025

MÃ ĐỀ 006

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trên Trái Đất, những khu vực nào sau đây thường có mưa nhiều?

- A. Nơi ở rất sâu giữa lục địa, nơi có áp thấp.
- B. Miền có gió Mậu dịch thổi, nơi có áp thấp.
- C. Miền có gió thổi theo mùa, nơi có áp thấp.
- D. Nơi dòng biển lạnh đi qua, nơi có áp thấp.

Câu 2. Nhiệt lực là nguyên nhân trực tiếp hình thành nên

- A. áp thấp ôn đới và áp cao chí tuyến.
- B. áp thấp Xích đạo và áp thấp ôn đới.
- C. áp cao chí tuyến và áp cao hai cực.
- D. áp cao hai cực và áp thấp Xích đạo.

Câu 3. Bán cầu Nam có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn so với bán cầu Bắc chủ yếu do

- A. diện tích lục địa lớn hơn, góc nhập xạ lớn hơn, có mùa hạ dài hơn.
- B. diện tích đại dương lớn hơn, thời gian chiếu sáng trong năm ít hơn.
- C. mùa hạ dài hơn, diện tích đại dương lớn hơn, góc nhập xạ nhỏ hơn.
- D. thời gian chiếu sáng trong năm dài hơn, có diện tích lục địa lớn hơn.

Câu 4. Tác động của gió Tây ôn đới đến khí hậu ở khu vực bờ Đông các đại dương làm hình thành nên kiểu khí hậu

- A. ôn đới hải dương ở bờ Tây lục địa.
- B. cận nhiệt đới ở bờ Tây các lục địa.
- C. ôn đới gió mùa ở bờ Tây các lục địa.
- D. nhiệt đới gió mùa ở bờ Đông các lục địa.

Câu 5. Cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á chủ yếu do

- A. đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận Xích đạo.
- B. đất đai đa dạng, nhiều loại tốt; khí hậu Xích đạo và cận nhiệt đới gió mùa.
- C. đất fe-ra-lit, diện tích rộng; đa phần có khí hậu Xích đạo và nhiệt đới.
- D. đất đai có nhiều loại, khá màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận Xích đạo.

Câu 6. Nhằm tiến tới tăng trưởng xanh, các ngành công nghiệp Đông Nam Á đang phát triển theo hướng

- A. tăng hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, sử dụng ít nguyên liệu.
- B. tiêu tốn ít năng lượng, sử dụng nhiều lao động trong các khâu.
- C. sử dụng các năng lượng tái tạo, sử dụng ít diện tích xây dựng.
- D. tăng tỉ trọng các sản phẩm chế biến, giảm nhanh khai khoáng.

Câu 7. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **không đúng** về vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á?

- A. Ở phía đông nam châu Á, phần lớn trong khu vực nội chí tuyến và khu vực hoạt động của gió mùa.
- B. Nằm trên tuyến đường biển quốc tế từ Thái Bình Dương sang Đại Tây Dương; là cầu nối châu Âu, châu Phi, châu Mỹ; nối lục địa Á - Âu với Ô-xtrây-li-a.
- C. Ở trong khu vực kinh tế phát triển năng động châu Á - Thái Bình Dương, nơi giao thoa của các vành đai sinh khoáng lớn, các luồng sinh vật và các nền văn hoá lớn.
- D. Có eo biển Ma-lắc-ca, một trong những đầu mối hàng hải lớn, góp phần vận chuyển hàng hóa từ châu Âu, châu Phi, Nam Á, Tây Nam Á... đến Đông Á và ngược lại.

Câu 8. Trong những nhận định sau về dân cư - xã hội của khu vực Đông Nam Á, có bao nhiêu nhận định đúng?

1. Đông Nam Á có số dân đông, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số trong khu vực có xu hướng giảm, ở mức khá thấp.
2. Khu vực Đông Nam Á có cơ cấu dân số trẻ, tạo nên nguồn lao động dồi dào, dự trữ lao động lớn.
3. Đông Nam Á có nhiều nhóm dân tộc khác nhau như: Việt, Thái, Miến Điện, Mã Lai...
4. Đông Nam Á có sự xuất hiện của hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới như: Thiên chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo...
5. Đông Nam Á có dân cư sinh sống đông đúc, trong đó Xin-ga-po là quốc gia có mật độ dân số cao nhất và Cam-pu-chia có mật độ dân số thấp nhất (năm 2020).

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 9. Bắc Bộ có một mùa mưa nhiều chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, gió hướng tây nam từ vịnh Bengan, dải hội tụ, bão.
- B. gió hướng tây nam từ vịnh Bengan, Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, địa hình đồi núi, áp thấp nhiệt đới, dải hội tụ.
- D. gió hướng tây nam, địa hình đồi núi, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.

Câu 10. Thành phần các loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế ở nước ta chủ yếu do

- A. nhiệt độ cao và ổn định, lượng mưa lớn, vị trí giáp biển nhiệt đới.
- B. vị trí nội chí tuyến, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, địa hình thấp.
- C. địa hình đồi núi đa dạng, động vật nhiệt đới di cư đến, khí hậu nóng.
- D. vị trí trong vùng nhiệt đới, đồng bằng châu thổ, sông ngòi dày đặc.

Câu 11. Sự khác nhau về thời gian mùa đông giữa vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc nước ta là biểu hiện của

- A. sự phân hoá nhiệt độ theo độ cao địa hình ở miền núi.
- B. sự phân mùa khác nhau theo chiều đông - tây ở miền núi.
- C. sự phân hóa khí hậu theo chiều đông - tây ở miền núi.
- D. sự phân hóa giữa đồi núi phía tây và đồng bằng ven biển.

Câu 12. Khu vực Đông Bắc có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước chủ yếu do tác động của

- A. vị trí ở gần chí tuyến, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió hướng đông bắc.
- B. gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, chồi lạnh.
- C. hoạt động của gió mùa và frông, có các sơn nguyên, đỉnh núi, xa chí tuyến.
- D. gió mùa Đông Bắc, vị trí đón gió, độ cao địa hình và hướng núi vòng cung.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây của dân cư nước ta tạo thuận lợi chủ yếu cho thu hút đầu tư nước ngoài?

- A. Tốc độ tăng dân số nhanh, lao động dồi dào, nhiều dân tộc.
- B. Quy mô dân số đông, cơ cấu dân số vàng, lao động dồi dào.
- C. Dân số thành thị đông, phân bố rộng khắp, trình độ lao động cao.
- D. Tập trung chủ yếu ở đồng bằng, lao động đông đảo, tay nghề cao.

Câu 14. Nhận định nào sau đây đúng về ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta?

- A. Các ngành sản xuất chính tương đối đa dạng, chỉ tập trung ở các vùng đồng bằng lớn.
- B. Nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu từ thủy hải sản, sản phẩm của ngành chăn nuôi.
- C. Ngành sản xuất chính tương đối đa dạng và đòi hỏi lao động có trình độ kỹ thuật cao.
- D. Phân bố nhiều nơi trên lãnh thổ nước ta và có nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng.

Câu 15. Hiện nay, nhiều loại hình du lịch mới ra đời gắn với tăng trưởng xanh, mang lại nhiều lợi ích phát triển kinh tế bền vững cho cư dân bản địa là loại hình du lịch

A. đô thị gắn liền với quá trình công nghiệp hoá, đô thị hóa, phát huy các giá trị nhân văn, hạn chế ô nhiễm môi trường.

B. biển đảo, di tích lịch sử, truyền thống văn hoá, phong tục tập quán, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của các địa phương.

C. sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, trải nghiệm, ...liên quan đến tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn.

D. đô thị dựa trên cơ sở cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, kiến trúc, di tích, không làm phá vỡ kiến trúc cảnh quan các di tích.

Câu 16. Giải pháp chủ yếu để phát triển sản xuất cây công nghiệp theo hướng bền vững ở nước ta là

A. ứng dụng công nghệ, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến và dịch vụ.

B. đẩy mạnh sử dụng giống mới, tăng sản lượng nông sản, ứng dụng các kĩ thuật mới.

C. đa dạng hoá sản xuất, đẩy mạnh nông nghiệp hữu cơ, tăng vụ để nâng cao sản lượng.

D. tăng sự liên kết, phát triển thị trường, đẩy mạnh sản xuất thâm canh và tăng vụ.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng hiện nay là

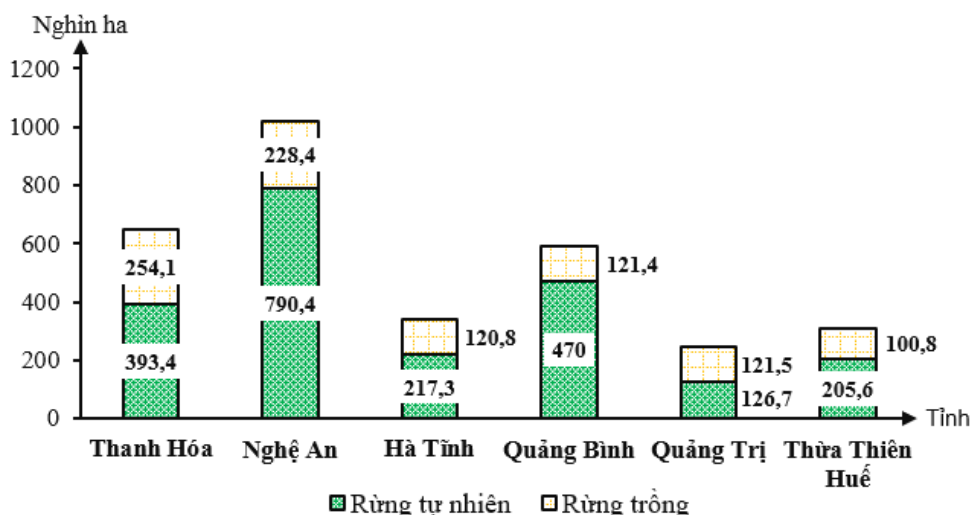
A. đời sống nhân dân đang dần được ổn định, kinh tế phát triển.

B. nền kinh tế - xã hội đang phát triển mạnh mẽ, năng động.

C. chính sách mở cửa, hội nhập và phát triển mạnh nền kinh tế.

D. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt vùng sâu, vùng xa.

Câu 18. Cho biểu đồ:



Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng của các tỉnh ở Bắc Trung Bộ năm 2023

(Số liệu theo Quyết định số 816/QĐ-BNN-KL ngày 20/3/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023)

Nội dung nào sau đây thể hiện đúng với biểu đồ trên?

A. Biểu đồ thể hiện quy mô và biến động diện tích rừng của các tỉnh ở Bắc Trung Bộ.

B. Tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên của Thanh Hoá lớn hơn tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên của Nghệ An.

C. Trong tổng diện tích rừng của từng tỉnh, Quảng Trị có tỷ lệ diện tích rừng trồng nhỏ hơn tỷ lệ diện tích rừng trồng của Thanh Hoá.

D. Trong tổng diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ, diện tích rừng tự nhiên gấp 2,3 lần diện tích rừng trồng.

Câu 19. Phân công lao động theo lãnh thổ của Bắc Trung Bộ hiện nay đang có những chuyển biến quan trọng chủ yếu do

- A. phát triển du lịch, phân bố lại dân cư, sản xuất hướng hàng hoá.
- B. công nghiệp hoá, khai thác tổng hợp biển, phát triển trang trại.
- C. mở rộng đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
- D. phát triển cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư, phát huy các nguồn lực.

Câu 20. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo ở Tây Nguyên trong thời gian gần đây nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác thế mạnh, tăng thêm nguồn lực, phát triển kinh tế bền vững.
- B. giải quyết việc làm, hiện đại hoá hạ tầng, thúc đẩy sản xuất hàng hoá.
- C. phát triển bền vững, cải thiện hạ tầng, giải quyết nhu cầu điện tại chỗ.
- D. thu hút vốn đầu tư, khai thác tốt tự nhiên, giảm áp lực cho thủy điện.

Phần II. Trắc nghiệm đúng, sai

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Gió mùa Đông Bắc có nguồn gốc từ khối không khí lạnh phương Bắc thổi theo hướng đông bắc vào Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ của nước ta thời kỳ từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tuy nhiên, chúng chỉ hoạt động theo từng đợt, không kéo dài liên tục nên nhìn chung chỉ cần có sự chuẩn bị trước kỹ càng thì sẽ hạn chế được tối đa tác hại của nó.

(Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/>)

- a) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính tạo nên hiện tượng nồm ẩm cho miền Bắc vào mùa xuân.
- b) Giữa các đợt gió mùa Đông Bắc là sự xuất hiện của Tín phong bán cầu Bắc, tạo thời tiết nắng ẩm xen kẽ những ngày lạnh.
- c) Gió mùa Đông Bắc làm vùng núi Đông Bắc có một mùa đông lạnh, đến sớm, kết thúc muộn.
- d) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi di chuyển qua biển nên đem đến lượng mưa lớn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển, đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ở khu vực miền Bắc, do vị trí ở gần chí tuyến hơn nên biến trình nhiệt độ hàng năm có một cực đại và một cực tiểu rất rõ rệt, mang tính chất khí hậu chí tuyến (nhiệt đới). Cực đại thường xảy ra vào tháng 7 ứng với thời kì Mặt Trời lên thiên đỉnh tại chí tuyến Bắc vào ngày Hạ chí (22/6). Cực tiểu thường xảy ra vào tháng 1, ứng với thời kì Mặt Trời chuyển động biểu kiến xuống bán cầu Nam và qua thiên đỉnh tại chí tuyến Nam vào ngày Đông chí (22/12), là thời kì ở khu vực phía Bắc có góc nhập xạ nhỏ nhất trong năm.

Trong khi đó, ở khu vực cực Nam nước ta do ở gần Xích đạo hơn nên đã có đáng dấp của chế độ nhiệt Xích đạo với hai cực đại xảy ra vào tháng 4 và tháng 10 ứng với thời kì Mặt Trời qua thiên đỉnh ở Xích đạo và hai cực tiểu xảy ra vào tháng 7 và tháng 1 ứng với các ngày có góc nhập xạ nhỏ nhất.

(Nguồn: Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 1, NXB Đại học Sư phạm, 2023, trang 226)

- a) Đoạn thông tin trên phân tích sự phân hóa theo chiều bắc - nam ở nước ta qua biến trình năm của chế độ nhiệt.
- b) Khoảng cách giữa hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm tăng dần từ Nam ra Bắc do miền Bắc gần chí tuyến, miền Nam gần Xích đạo.
- c) Nhiệt độ trung bình tăng dần từ bắc vào nam, biên độ nhiệt độ năm giảm dần từ bắc vào nam.
- d) Biên độ nhiệt độ năm ở miền Bắc khác với miền Nam do nhân tố vị trí địa lí, gió Mậu Dịch và số lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Người lao động có trình độ, kĩ năng hạn chế sẽ chịu tác động mạnh hơn và nguy cơ mất việc cũng cao hơn dưới tác động của khoa học và công nghệ mới. Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ sẽ không còn là yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam có thể sẽ phải chịu sức ép về việc giải quyết việc làm, đối mặt với gia tăng tỷ lệ thất nghiệp hoặc thiếu việc làm vì Việt Nam có quy mô dân số lớn nhưng chất lượng lao động chưa cao.

(Nguồn: Báo điện tử Lao động, <https://laodong.vn/>)

- a) Cuộc cách mạng khoa học công nghệ có ảnh hưởng sâu sắc đến vấn đề sử dụng lao động và việc làm ở nước ta.
- b) Lực lượng lao động nước ta trong điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm đặt ra sức ép đối với việc làm và vấn đề giải quyết việc làm.
- c) Phần lớn lao động nước ta có khả năng tiếp thu tiến bộ công nghệ và đã đạt được trình độ cao.
- d) Giải pháp chủ yếu để nâng cao trình độ lao động là đẩy mạnh xuất khẩu lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Việt Nam đã thiết lập được 32 tuyến vận tải biển, trong đó 25 tuyến vận tải quốc tế và 7 tuyến vận tải nội địa. Ngoài các tuyến nội Á, khu vực phía Bắc đã khai thác 2 tuyến đi Bắc Mỹ; phía Nam đã hình thành được 16 tuyến tàu xa đi Bắc Mỹ và châu Âu; vượt trội hơn các nước khu vực Đông Nam Á (chỉ sau Ma-lay-si-a và Xin-ga-po).

Về hệ thống cảng biển, hầu hết các cảng của Việt Nam gắn liền với các trung tâm, các vùng kinh tế lớn với vai trò là đầu mối phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và tạo động lực phát triển toàn vùng như: Quảng Ninh, Hải Phòng gắn với Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; Nghi Sơn, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn gắn với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai gắn với vùng kinh tế động lực Đông Nam Bộ; Cần Thơ, Long An, An Giang gắn với Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

(Nguồn: consosukien.vn, 2023)

- a) Hệ thống cảng biển nước ta là cửa ngõ giao thương hàng hóa xuất nhập khẩu, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng và cả nước.
- b) Các tuyến đường biển nội địa đóng vai trò chính trong vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu.
- c) Vận tải đường biển nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do kinh tế phát triển, khu vực hóa sâu rộng.
- d) Nước ta có điều kiện thuận lợi để xây dựng cảng biển do có nhiều vũng vịnh ven bờ trong đó có các vịnh nước sâu, kín gió.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Quá trình phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng còn đối mặt với một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức như: phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của vùng; thiếu quỹ đất, thiếu cơ chế, thiếu nhân lực chất lượng cao trong ngành công nghiệp; hạn chế về tính liên kết; hạn chế trong bảo đảm an ninh nguồn nước và an ninh năng lượng; hạn chế trong quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, phòng, chống biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, phát triển văn hóa - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu; chưa phát huy được giá trị văn hóa đặc sắc của vùng...

(Nguồn: dangcongsan.vn, 2024)

a) Đồng bằng sông Hồng là vùng duy nhất cả nước đã khai thác hết tiềm năng phát triển của mình.

b) Vùng chỉ cần tập trung phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nội vùng.

c) Vùng còn đối mặt với nhiều thách thức như: thiếu quỹ đất, thiếu cơ chế, thiếu nhân lực chất lượng cao, hạn chế trong quản lý đất đai, bảo vệ môi trường...

d) Định hướng phát triển: Đẩy mạnh liên kết vùng, ứng dụng công nghệ hiện đại, ít phát thải nhà kính của các ngành công nghiệp có khả năng tranh cao trên thị trường như: khai thác khoáng sản, năng lượng, chế biến...

Câu 6. Cho thông tin sau:

Trong 5 năm qua, các địa phương ở khu vực Bắc Trung Bộ trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngành lâm nghiệp phát triển khá nhanh, từng bước khẳng định được vị thế của vùng, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

Diện tích rừng trồng tăng trưởng nhanh; diện tích rừng tự nhiên, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học được bảo vệ khá tốt, mức độ che phủ rừng cao nhất so với các vùng khác trên cả nước (57,4%). Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ khá phát triển. Các cơ chế, chính sách về phát triển lâm nghiệp từng bước được quan tâm và hoàn thiện.

(Nguồn: ttdn.vn, 2023)

a) Lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ đang đẩy mạnh cả hai hoạt động: khai thác, chế biến lâm sản và trồng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng.

b) Việc bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển nhằm mục đích điều hòa nguồn nước, ứng phó lũ đột ngột trên các sông.

c) Bắc Trung Bộ đã thành lập khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm sản xuất giống cây lâm nghiệp, chế biến gỗ và lâm sản chất lượng cao.

d) Các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Bắc Trung Bộ có vai trò bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo cân bằng sinh thái.

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2023

Năm	Diện tích tự nhiên của cả nước	Trong đó	
		Rừng tự nhiên (nghìn ha)	Rừng trồng (nghìn ha)
2010	331.345 (km ²)	10304,8	3083,3
2023		10129,7	4730,5

(Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam các năm)

Độ che phủ rừng năm 2023 nhiều hơn năm 2010 bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

Câu 2. Năm 2015, dân số thành thị và nông thôn của nước ta lần lượt là 30881 và 61346 nghìn người. Đến năm 2023, tốc độ tăng trưởng tổng số dân so với năm 2015 là 108,8%, trong đó dân số nông thôn gấp dân số thành thị 1,62 lần.

Số dân thành thị năm 2023 gấp số dân thành thị năm 2015 bao nhiêu lần? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ LOẠI CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA TÂY NGUYÊN NĂM 2021

Cây công nghiệp	Cà phê	Cao su	Hồ tiêu	Điều
Diện tích (nghìn ha)	657,4	232,2	83,5	90,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Diện tích cà phê, cao su, hồ tiêu, điều năm 2021 đã tăng so với năm 2010 lần lượt là 1,25; 1,08; 3,69; 1,02 lần. Tính tốc độ tăng trưởng tổng diện tích 4 loại cây công nghiệp trên của Tây Nguyên năm 2021 so với năm 2010? (làm tròn đến hàng đơn vị của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG TẠI TRẠM QUAN TRẮC LÁNG (HÀ NỘI) NĂM 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ trung bình	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Tính tổng nhiệt độ hoạt động trong năm tại trạm quan trắc Láng (Hà Nội) năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

- Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
C	D	B	A	C	A	B	B	A	B	C	D	B	D	C	A	C	D	D	A

1	2	3	4	5	6	1	2	3	4
S	D	D	D	S	D	4	1	9	
D	S	D	S	S	S	.	1	1	
D	D	S	S	D	D	.	2	2	2
S	S	S	D	S	D	4	4	5	7